

Uông Bí, ngày 2 tháng 2 năm 2024

BIÊN BẢN

**V/v niêm yết công khai thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023
của trường MN Thanh Sơn**

Căn cứ vào Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 19/QĐ-MNTS ngày 2/2/2024 của trường mầm non Thanh Sơn về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023.

Hôm nay, vào hồi 15h30' ngày 02/02/2024, Trường MN Thanh Sơn gồm:

1. Thành phần:

- Toàn thể CB, GV, NV nhà trường: 41/40 (01 ĐC giáo viên nghỉ thai sản)
- Chủ trì: Đ/C Nguyễn Thị Thanh Huyền - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện BCHCD: Đ/C Nguyễn Thị Nga - Chức vụ: Hiệu phó - Chủ tịch CD trường
- Đại diện Ban TTND: Đ/C Đặng Thị Nhân - Chức vụ: Trưởng ban TTND
- Đại diện tài chính: Đ/c: Phạm Thị Thu Hương - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/C Lê Thanh Thảo - Chức vụ: GV- Thư ký HĐ

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai thu, chi nguồn ngân sách năm 2023 (có phụ lục văn bản chi tiết kèm theo)

2.2. Thời gian niêm yết kể từ ngày 02/02/2024 đến hết ngày 31/04/2024.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng Thông báo của Trường MN Thanh Sơn, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 của Trường MN Thanh Sơn, đề nghị gửi kiến nghị về trường (qua Đ/C Đặng Thị Nhân - Chức vụ:

Giáo viên, Trường ban TTND) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của Trường MN Thanh Sơn thực hiện việc bảo đảm an toàn bàn công khai chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 của Trường MN Thanh Sơn từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 16h00 cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán.

THƯ KÝ

KẾ TOÁN

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN BCHCĐ
TTND CHỦ TỊCH

CHỦ TRÌ
HIỆU TRƯỞNG



Lê Thanh Thảo



Phạm TThu Hương



Đặng Thị Nhân

Nguyễn Thị Nga



Nguyễn TThanh Huyền

PHÒNG GD&ĐT TP UÔNG BÍ
TRƯỜNG MN THANH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/QĐ-MNTS

Uông Bí, ngày 2 tháng 2 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai thực hiện dự toán Thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 của Trường MN Thanh Sơn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố thành phố Uông Bí "V/v giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Uông Bí về việc giao dự toán Thu – Chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn về việc công khai thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 của trường Mầm non Thanh Sơn (theo biểu 03 đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn
Mã ĐVQHNS: 1101850
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐÓI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/12/2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	12						739,848,152	739,848,152	739,848,152	739,848,152
Giáo dục mầm non		71					739,848,152	739,848,152	739,848,152	739,848,152
Phụ cấp lương			6100				14,028,152	14,028,152	14,028,152	14,028,152
Phụ cấp khác			6149				14,028,152	14,028,152	14,028,152	14,028,152
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học			6150				6,680,000	6,680,000	6,680,000	6,680,000
Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí			6156				4,200,000	4,200,000	4,200,000	4,200,000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			6157				2,480,000	2,480,000	2,480,000	2,480,000
Vật tư văn phòng			6550				9,165,000	9,165,000	9,165,000	9,165,000
Vật tư văn phòng khác			6599				9,165,000	9,165,000	9,165,000	9,165,000
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			6600				9,275,000	9,275,000	9,275,000	9,275,000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện			6608				9,275,000	9,275,000	9,275,000	9,275,000
Chi khác			7750				700,700,000	700,700,000	700,700,000	700,700,000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ			7766				680,700,000	680,700,000	680,700,000	680,700,000
Chi các khoản khác			7799				20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	13						2,158,293,709	4,310,420,760	2,158,293,709	4,310,420,760
Giáo dục mầm non		71					2,158,293,709	4,310,420,760	2,158,293,709	4,310,420,760
Tiền lương			6000				924,341,081	1,881,055,181	924,341,081	1,881,055,181
Lương theo ngạch, bậc			6001				924,341,081	1,881,055,181	924,341,081	1,881,055,181

Phụ cấp lương							480,483,697	943,064,632	480,483,697	943,064,632
Phụ cấp chức vụ			6101				15,567,751	32,330,256	15,567,751	32,330,256
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				312,971,020	642,167,895	312,971,020	642,167,895
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				689,000	1,434,000	689,000	1,434,000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				151,255,926	267,132,481	151,255,926	267,132,481
Phúc lợi tập thể			6250				8,655,000	14,935,000	8,655,000	14,935,000
Chi khác			6299				8,655,000	14,935,000	8,655,000	14,935,000
Các khoản đóng góp			6300				316,637,774	572,636,300	316,637,774	572,636,300
Bảo hiểm xã hội			6301				231,693,917	422,330,717	231,693,917	422,330,717
Bảo hiểm y tế			6302				39,718,956	72,399,549	39,718,956	72,399,549
Kinh phí công đoàn			6303				31,985,248	53,772,850	31,985,248	53,772,850
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				13,239,653	24,133,184	13,239,653	24,133,184
Thanh toán dịch vụ công cộng			6500				87,271,909	115,874,022	87,271,909	115,874,022
Tiền điện			6501				54,100,029	68,882,422	54,100,029	68,882,422
Tiền nước			6502				29,571,880	43,391,600	29,571,880	43,391,600
Tiền vệ sinh, môi trường			6504				3,600,000	3,600,000	3,600,000	3,600,000
Vật tư văn phòng			6550				26,580,000	87,695,000	26,580,000	87,695,000
Văn phòng phẩm			6551				19,180,000	43,620,000	19,180,000	43,620,000
Khoản văn phòng phẩm			6553				7,400,000	7,400,000	7,400,000	7,400,000
Vật tư văn phòng khác			6599					36,675,000		36,675,000
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			6600				8,527,000	15,554,777	8,527,000	15,554,777
Thuế bao kênh vệ tinh, thuế bao cấp truyền hình, cước phí Internet, thuế đường truyền mạng			6605				2,640,000	5,389,077	2,640,000	5,389,077
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện			6608				5,887,000	10,165,700	5,887,000	10,165,700
Công tác phí			6700				11,000,000	14,300,000	11,000,000	14,300,000
Tiền vé máy bay, tàu, xe			6701				800,000	1,000,000	800,000	1,000,000
Phụ cấp công tác phí			6702				900,000	900,000	900,000	900,000
Tiền thuê phòng ngủ			6703				2,100,000	2,800,000	2,100,000	2,800,000
Khoản công tác phí			6704				7,200,000	9,600,000	7,200,000	9,600,000
Chi phí thuế môn			6750					12,000,000		12,000,000
Thuế lao động trong nước			6757					12,000,000		12,000,000

Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			6900					8,000,000	10,895,000	8,000,000	10,895,000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912					8,000,000	10,895,000	8,000,000	10,895,000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000					68,445,500	325,296,500	68,445,500	325,296,500
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001					37,515,000			37,515,000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động			7004					7,505,000			7,505,000
Chi khác			7049					68,445,500	280,276,500	68,445,500	280,276,500
Mua sắm tài sản vô hình			7050					7,950,000	13,935,000	7,950,000	13,935,000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			7053					7,950,000	13,935,000	7,950,000	13,935,000
Chi khác			7750					55,750,000	148,527,600	55,750,000	148,527,600
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện			7757					3,537,600			3,537,600
Chi các khoản khác			7799					55,750,000	144,990,000	55,750,000	144,990,000
Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định			7950					154,651,748	154,651,748	154,651,748	154,651,748
Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập			7951					139,186,573	139,186,573	139,186,573	139,186,573
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			7954					15,465,175	15,465,175	15,465,175	15,465,175
Cộng:								2,898,141,861	5,050,268,912	2,898,141,861	5,050,268,912
Phản KBNN ghi:											

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày ... tháng ... năm

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

Phạm Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thanh Huyền

